

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ



TRƯƠNG TUẤN ANH

ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TẠI HÀ NỘI

Chuyên ngành: Kinh tế thế giới và Quan hệ kinh tế quốc tế

Mã số: 60 31 07

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

Người hướng dẫn khoa học:

PGS, TS. NGUYỄN XUÂN THIÊN

Hà Nội - 2009

MỞ ĐẦU

1 Tính cấp thiết của đề tài

Trong suốt thời gian qua, Hà Nội cũng như các địa phương khác trong cả nước đã rất tích cực, chủ động trong việc thu hút FDI. Trong quá trình đó, bên cạnh những thành công, Hà Nội cũng không thể tránh khỏi những hạn chế và thiếu sót trong hoạt động thu hút FDI. Do đó, cần phải đánh giá nhìn nhận một cách đúng đắn về thực trạng thu hút FDI tại thủ đô Hà Nội, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm bổ ích, thiết thực cho thủ đô.

Những năm qua, lượng FDI vào Hà Nội đã trải qua các giai đoạn thăng trầm và có xu hướng chững lại hoặc tăng chậm. Tuy nhiên, tại thời điểm hiện nay, lượng FDI vào Hà Nội lại tăng vọt, vượt trên sự mong đợi của lãnh đạo và nhân dân thành phố. Việc nghiên cứu, đánh giá thực trạng thu hút FDI tại Hà Nội trong gần hai thập kỷ trở lại đây sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn, tỉ mỉ hơn về thành quả thu hút FDI mà thủ đô đã đạt được và tác động của FDI đối với kinh tế xã hội của thành phố cũng như tìm ra các giải pháp khắc phục các hạn chế cũng như thúc đẩy, nâng cao hơn nữa việc thu hút FDI cho thành phố.

Chính vì vậy, việc phân tích, nghiên cứu và đánh giá quá trình thu hút FDI tại Hà Nội thời gian qua là hết sức cần thiết và tôi đã quyết định lựa chọn đề tài “***Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Hà Nội***” làm luận văn tốt nghiệp và nhằm phục vụ cho yêu cầu cấp thiết này.

2 Tình hình nghiên cứu

Các công trình và các bài nghiên cứu điển hình liên quan đến FDI: “*Định hướng phát triển các hình thức đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam*” (Ngô Công Thành, Luận án Tiến sỹ Kinh tế, 2005; “*Chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam*” (Dương Hải Hà, Luận văn Thạc sỹ Kinh tế, 2004); “*Tìm hiểu về ĐTNN tại Việt Nam*” (Lê Minh Toàn chủ biên, 2004); “*Hoạt động ĐTNN tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh*”(Lê Bộ Lĩnh, NXB KHXH.

3 Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1 Mục đích nghiên cứu

Phân tích và đánh giá thực trạng thu hút FDI ở thành phố Hà Nội và đề xuất những giải pháp nhằm tăng cường thu hút FDI vào Hà Nội trong thời gian tới (đến năm 2020).

3.2 Nhiệm vụ nghiên cứu

- Tổng hợp, phân tích, đánh giá thực trạng thu hút FDI tại Hà Nội
- Kiến nghị một số giải pháp nhằm tăng cường hơn nữa việc thu hút FDI và nâng cao hiệu quả sử dụng FDI tại Hà Nội trong những năm tiếp theo.

4 Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1 Đối tượng nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu về FDI tại thành phố Hà Nội

4.2 Phạm vi nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu thực trạng FDI tại Hà Nội từ năm 1988 đến trước khi Hà Nội mở rộng.

5 Phương pháp nghiên cứu

Luận văn được thực hiện trên cơ sở sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử và tôi có sử dụng các phương pháp nghiên cứu: thống kê và xử lý số liệu, tổng hợp và phân tích hệ thống, mô tả và so sánh nhằm làm sáng tỏ vấn đề cần nghiên cứu đưa ra.

6 Những đóng góp mới của luận văn

- Làm rõ thực trạng thu hút FDI tại Hà Nội.
- Đưa ra những nhận xét và đề xuất các giải pháp mới về thu hút FDI tại Hà Nội.

7 Bố cục của luận văn

Ngoài phần mở đầu, mục lục, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm có 3 chương:

- Chương 1:** Môi trường đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Hà Nội: Một số vấn đề chủ yếu
- Chương 2:** Thực trạng đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Hà Nội
- Chương 3:** Phương hướng và giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường thu hút FDI vào Hà Nội.

CHƯƠNG 1

MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TẠI HÀ NỘI: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHỦ YẾU

1.1. Nhu cầu về vốn cho sự nghiệp CNH – HĐH của Hà Nội

1.1.1 Nhu cầu về vốn là tất yếu với Hà Nội trong phát triển kinh tế

Trong giai đoạn hiện nay – giai đoạn đẩy mạnh CNH – HĐH của cả nước, nhu cầu về vốn của Hà Nội càng trở nên rất cấp thiết. Điều này yêu cầu lãnh đạo thành phố Hà Nội cùng các sở ban ngành phải có nỗ lực cao, tập trung hơn nữa trong việc thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn thu hút được, nhất là vốn FDI, đồng thời vận dụng sáng tạo, triệt để các chính sách mà Đảng và Nhà nước đã đưa ra hỗ trợ cho Hà Nội thì nhiệm vụ và mục tiêu phát triển kinh tế đề ra mới đạt được hiệu quả và thành công như mong muốn..

1.1.2 Hà Nội cần nhiều vốn để đẩy nhanh tiến trình CNH – HĐH và phát triển nhanh chóng tầm với vị thế của một thành phố - Thủ đô

Nhu cầu vốn đầu tư cho các công trình hạ tầng quan trọng cho giai đoạn từ nay đến năm 2010 khoảng 50.000 tỷ đồng (tương đương 3 tỷ đô la Mỹ - USD); cho giai đoạn 2011 – 2020 khoảng 180.000 tỷ đồng (tương đương 11 tỷ USD). Phát triển hạ tầng cơ sở kỹ thuật đô thị là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu của thành phố trong giai đoạn 2006 – 2010. Tuy nhiên các nguồn vốn đầu tư đang mất cân đối lớn đòi hỏi phải được sự quan tâm đặc biệt ưu tiên tập trung vốn đầu tư của các ngành, các cấp từ Trung ương đến địa phương mới có thể giải quyết, thực hiện hiệu quả và thành công vấn đề này.

1.2. Hà Nội tăng cường mở rộng thu hút FDI là phù hợp với xu thế và thực trạng hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước

1.2.1 Chủ trương và định hướng thu hút FDI

Nghị quyết của Bộ Chính trị số 15-NQ/TW về phương hướng nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội trong thời kỳ 2001 – 2010 đã chỉ rõ, Thủ đô Hà Nội là trái tim của cả nước, đầu não Chính trị – Hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hoá, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế. Về vị trí đặc biệt quan trọng đó, Thủ đô Hà Nội sẽ có nhiều tiềm năng và cơ hội để tạo ra một môi trường hấp dẫn các nhà ĐTNN đến đầu tư trên địa bàn.

1.2.2 Sự chuẩn bị của Hà Nội nhằm thu hút FDI

Hà Nội là trung tâm lớn về khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế; là đầu mối giao thông quan trọng cả về đường bộ, đường thủy và hàng không. Hà Nội có địa thế và phong cảnh đẹp, có bề dày lịch sử và văn hoá lâu đời, người Hà Nội có truyền thống văn minh, lịch sự, cần cù, sáng tạo và mến khách. Đặc biệt, Hà Nội có lợi thế về nguồn nhân lực so với các địa phương khác. Hà Nội tập trung nhiều cán bộ, chuyên gia giỏi, nhiều nghệ nhân hàng đầu, có nguồn lao động dồi dào, chi phí lao động hợp lý, công nhân có tay nghề chuyên sâu. Tại Hà Nội tập trung đa số các trường đại học và cao đẳng, hàng trăm trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề và các viện nghiên cứu khoa học đầu ngành của cả nước với lực lượng đông đảo các nhà khoa học có trình độ, có tâm huyết với sự phát triển Thủ đô. Điều này sẽ tạo đầy đủ điều kiện tốt nhất để Hà Nội phát triển toàn diện và điểm sáng thu hút sự quan tâm của các nhà ĐTNN.

1.3. Các chính sách và giải pháp thu hút FDI của Hà Nội thời gian qua

1.3.1. Thực hiện nghiêm túc và chặt chẽ các quy định của Luật Đầu tư nước ngoài của Nhà nước

Sau khi Luật ĐTNN ở Việt Nam được ban hành vào tháng 12 năm 1987 cùng với việc áp dụng hàng loạt các chính sách khuyến khích của một nền kinh tế mở, trên 40 quốc gia lãnh thổ và hàng trăm các tập đoàn, công ty nước ngoài đã vào Hà Nội để tìm kiếm cơ hội đầu tư và kinh doanh tại thị trường này, một thị trường mà các chuyên gia nước ngoài đánh giá là còn nhiều tiềm năng có thể khai thác. Tính đến hết tháng 12 năm 2004, trên địa bàn Hà Nội đã có 531 dự án còn hiệu lực với tổng số vốn đầu tư đăng ký là 7,5 tỷ USD; đã hình thành 5 KCN tập trung là KCN Nội Bài-Sóc Sơn, KCN Sài Đồng A, KCN Sài Đồng B, KCN Đà Tu, với diện tích 784 ha và số vốn đầu tư cho hạ tầng cơ sở khoảng trên 250 triệu USD. Nguồn vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài đã góp phần quan trọng trong việc dịch chuyển cơ cấu kinh tế của Hà Nội, thực hiện CNH - HĐH, nhanh chóng hình thành cơ cấu kinh tế.

1.3.2. Áp dụng đúng đắn, triệt để, kịp thời các chính sách, chủ trương đường lối của Nhà nước đối với lĩnh vực FDI

Trong thời gian qua, Hà Nội đã chủ động áp dụng nhanh chóng, mở rộng các chính sách đặc thù đối với ĐTNN: Về vốn, cho nhà ĐTNN góp vốn bằng tiền Việt Nam có nguồn gốc hợp pháp tại Việt Nam, thay vì chỉ được góp vốn bằng tiền Việt Nam có nguồn gốc từ đầu tư tại Việt Nam như hiện nay. Về chính sách đất đai, bình đẳng trong áp dụng các quyền về sử dụng đất cho các doanh nghiệp. Về cơ sở hạ tầng, phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật để tăng sự hấp dẫn của môi trường đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ đầu tư triển khai các dự án và kế hoạch đầu tư của mình. Về phân cấp quản lý ĐTNN, chính phủ giao quyền tự chủ nhiều hơn cho các tỉnh, địa phương trong quản lý FDI, trong đó có việc nâng quy mô dự án FDI mà tỉnh, thành phố Trung ương có quyền phê duyệt.

1.3.3. Cải cách thủ tục hành chính tại địa phương

Trong thời gian qua, việc cải cách thủ tục hành chính nhằm cải thiện môi trường thu hút ĐTNN ở Hà Nội đã được thực hiện khá mạnh mẽ và đem lại hiệu quả nhất định, cụ thể là: Thứ nhất, đổi mới quan điểm về thủ tục hành chính. Thứ hai, thủ tục đã được đơn giản hoá trong việc thẩm định và cấp phép. Thứ ba, việc thực hiện hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp có vốn ĐTNN được bắt đầu bằng thủ tục đăng ký với cơ quan nhà nước để nộp thuế, hoạt động xuất nhập khẩu, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy. Thứ tư, ban hành quy chế về thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp có vốn ĐTNN.

1.3.4. Xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật thành phố nhanh chóng

Căn cứ chiến lược phát triển Kinh tế - Xã hội và các quy hoạch được duyệt, thành phố đã xây dựng kế hoạch và xác định danh mục dự án, nhu cầu vốn đầu tư theo giai đoạn 5 năm. Kế hoạch 5 năm được tổ chức lấy ý kiến của các Bộ, ngành Trung ương, các đơn vị có liên quan và được tổng hợp hoàn chỉnh báo cáo Thành uỷ, Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua. Trong kế hoạch 5 năm, thành phố đã xác định các cụm công trình hạ tầng trọng điểm trong giai đoạn để tập trung cân đối bố trí vốn, điều hành triển khai thực hiện: kế hoạch 5 năm giai đoạn 2001-2005, thành phố xác định 9 cụm công trình trọng điểm; kế hoạch 5 năm 2006-2010, thành phố xác định 3 cụm công trình trọng điểm.

1.3.5. Hoàn thiện chính sách về tài chính đối với các doanh nghiệp FDI và tạo một môi trường tài chính thuận tiện và minh bạch

Trong thời gian qua, bằng sự nỗ lực của mình, Hà Nội đã thực hiện nhanh chóng hiệu quả các chính sách đầu tư cho doanh nghiệp ĐTNN, đặc biệt là các chính sách tài chính đối với các doanh nghiệp FDI. Điều này đã tạo điều kiện cho các dự án có vốn ĐTNN sau khi được cấp phép triển khai nhanh và sớm đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc triển khai thực hiện dự án bao gồm các thủ tục về cấp đất, giải toả đền bù đất đai, xây dựng công trình, nhập khẩu vật tư thiết bị, đánh giá tác động môi trường, thẩm định năng lực tài chính của nhà ĐTNN ... đã được đơn giản hoá.

1.4. Đặc điểm nổi bật về tự nhiên, kinh tế - xã hội của Hà Nội

1.4.1. Đặc điểm nổi bật về tự nhiên

Vị trí địa lý

Thành phố Hà Nội nằm ở trung tâm vùng đồng bằng Bắc Bộ. Địa hình cơ bản là đồng bằng.

Điều kiện tự nhiên

Tài nguyên đất: Tổng diện tích đất tự nhiên của Hà Nội là 92.097 ha, trong đó diện tích đất ngoại thành chiếm 90,86%, nội thành chiếm 9,14%. Trong đó đất nông nghiệp chiếm tới 47,4%, đất lâm nghiệp chiếm 8,6%, đất chuyên dùng chiếm 22,3%, đất nhà ở chiếm 12,7%, đất chưa sử dụng chiếm 9%.

Tài nguyên rừng: Hà Nội có 6.740 ha đất rừng, chiếm 7,3% diện tích tự nhiên toàn thành phố, phân bố chủ yếu ở huyện Sóc Sơn và một phần không đáng kể ở huyện Đông Anh, Gia Lâm. Hà Nội không có rừng tự nhiên. Khu vực phụ cận quanh Hà Nội cách từ 50 - 100 km có những khu rừng nổi tiếng như Vườn quốc gia Cúc Phương, Vườn quốc gia Ba Vì, rừng Tam Đảo.

Tài nguyên khoáng sản

Khoáng sản của Hà Nội và vùng phụ cận rất phong phú và đa dạng. Trên diện tích 35.000 km² của Hà Nội và vùng phụ cận có hơn 800 mỏ và điểm quặng của gần 40 loại khoáng sản khác nhau đã được phát hiện và đánh giá, khai thác ở các mức độ khác nhau.

Tiềm năng du lịch: Các yếu tố địa hình, địa chất, thời tiết, khí hậu của Hà Nội thuận lợi cho phát triển thực vật, cây cối bốn mùa xanh tốt, có điều kiện xây dựng một “thành phố xanh, sạch, đẹp”, tạo sức hút lớn đối với khách du lịch cả trong nước và quốc tế.

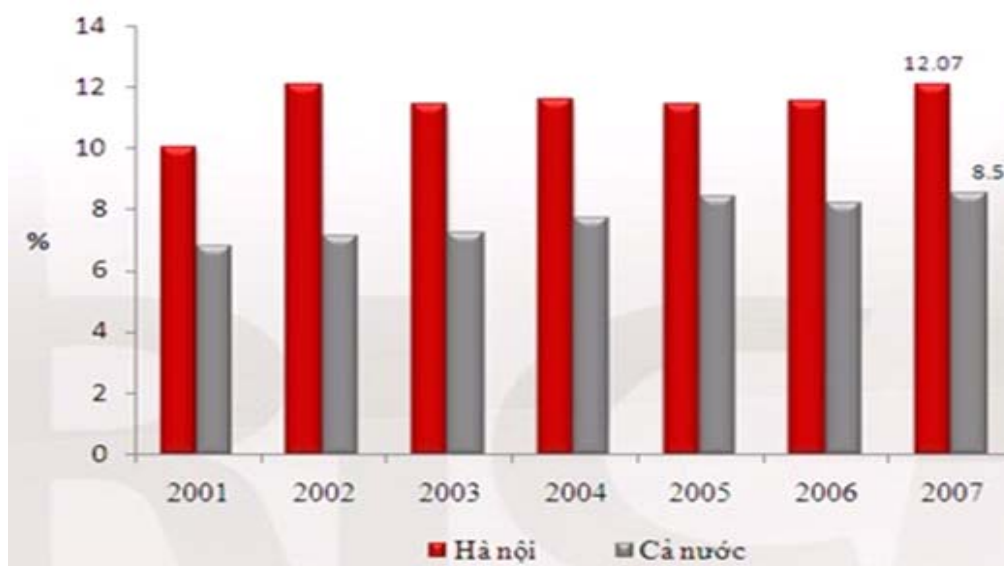
1.4.2. Đặc điểm về kinh tế - xã hội

Hà Nội nằm trên châu thổ sông Hồng và là trung tâm của miền Bắc Việt Nam – là nơi hội tụ nhiều điều kiện thuận lợi về kinh tế, văn hoá, thương mại, giao dịch quốc tế và du lịch. Hệ thống mạng lưới giao thông đồng bộ, bao gồm đường bộ, đường sông, đường sắt, và đường hàng không, đã khiến Hà Nội trở thành một địa điểm thuận lợi để phát triển các ngành công nghiệp. Các tập đoàn lớn như Canon, Yamaha, Toyota, Honda và hàng trăm các nhà sản xuất hàng đầu thế giới đã thành lập nhà máy tại đây.

Mặc dù chỉ chiếm 3,9% về dân số và khoảng 0,3% diện tích lãnh thổ nhưng Hà Nội cũng đóng góp tới 8,4% vào GDP cả nước, 8,3% giá trị kim ngạch xuất khẩu, 8,2% giá trị sản xuất công nghiệp, 9,6% tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng, 10,2% vốn đầu tư xã hội, 14,1% vốn ĐTNN đăng ký và 14,9% thu ngân sách nhà nước.

Mức sống của người dân được cải thiện, GDP bình quân đầu người Hà Nội năm 2007 khoảng 31,8 triệu đồng/năm. Những năm qua, Hà Nội dẫn đầu cả nước về chỉ số phát triển con người, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống mức thấp nhất (hiện còn dưới 1%) và cũng hoàn thành xóa hộ nghèo diện chính sách, thực hiện xóa phòng học cấp 4, phổ cập trung học cơ sở, chính sách khuyến học, khuyến tài được coi trọng.

Biểu đồ 1.1 Tốc độ tăng trưởng GDP của Hà Nội so với cả nước



Nguồn: Cục Thống kê TP.Hà Nội (1991- 2007), *Niên Giám Thống Kê Hà Nội*, NXB Hà Nội

1.4.3. Đặc điểm về cơ sở hạ tầng kỹ thuật

Trong những năm qua, hạ tầng cơ sở của Thủ đô Hà Nội đã được đầu tư phát triển và đạt được một số kết quả đáng khích lệ, góp phần tích cực trong việc đáp ứng các nhu cầu phát triển của nền kinh tế và phục vụ nhu cầu của người dân. Nhiều công trình hạ tầng quan trọng đã được hoàn thành như cải tạo nâng cấp các tuyến đường quốc lộ hướng tâm, quốc lộ 32 (đoạn Cầu Giấy - Cầu Diễn), tuyến đường cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ; đường vành đai 3 (đoạn Mai Dịch - Trung Hoà), tuyến đường Lê Văn Lương, đường Văn Cao,... Nhiều công trình giao thông quan trọng đang được đầu tư xây dựng như cầu Thanh Trì, cầu Vĩnh Tuy, đường Láng - Hoà Lạc, tuyến đường 5 kéo dài, tuyến đường La Thành - Thái Hà - Láng; Hạ tầng kỹ thuật của nhiều khu đô thị mới được đầu tư: Linh Đàm, Đại Kim - Định Công, Đông Nam Trần Duy Hưng, Khu thể thao Mỹ Đình,... Hệ thống vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt bước đầu đã phát triển và từng bước đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân. Tuy nhiên, hệ thống hạ tầng cơ sở của Thành phố vẫn được đánh giá ở mức trung bình và còn nhiều bất cập chưa theo kịp nhu cầu của nền kinh tế và chưa tương xứng với tầm vóc và vị thế của Thủ đô.

Tóm lại, Hà Nội với vị thế đặc ân có thể coi là “trời phú”, là trung tâm của mọi trung tâm, là nơi quy tụ đầy đủ các yếu tố, điều kiện để trở thành một thành phố hàng đầu cả nước phát triển toàn diện trên tất cả lĩnh vực về kinh tế - chính trị - văn hoá – xã hội. Những gì mà Hà Nội đã đạt được sau hơn hai mươi năm nỗ lực đổi mới đã phản ánh phần nào kết quả từ những lợi thế tự nhiên của mình, đặc biệt trên lĩnh vực phát triển kinh tế và củng cố địa vị chính trị. Tuy nhiên, xét về hiệu quả tận dụng các lợi thế đó của Hà Nội, nhất là trong lĩnh vực kinh tế, những thành tựu đó chưa thật sự xứng với tiềm năng hiện có và tính hiệu quả sử dụng ở mức trung bình so với các địa phương khác trong cả nước như các tổ chức quốc tế và chuyên gia kinh tế trong và ngoài nước đánh giá. Hy vọng trong những thập niên đầu của thế kỷ 21 này, khi nước ta chính thức hội nhập quốc tế, bằng nỗ lực từ nội lực với những điều chỉnh cần thiết và hợp lý cũng như tận dụng ngoại lực, Hà Nội sẽ thực sự chứng minh được là một thành phố trung tâm toàn diện trong mắt của người dân Việt Nam và bạn bè quốc tế, xứng đáng là thủ đô ngàn năm văn hiến và thịnh vượng.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TẠI HÀ NỘI

Năm 2007, tổng vốn đăng ký ĐTNN của cả nước đạt 21,3 tỷ USD vượt 1 tỷ USD so với báo cáo ban đầu (20,3 tỷ USD) và tổng số vốn đã thực hiện đạt hơn 8 tỷ USD (trong đó dầu khí đạt 2,89 tỷ USD) vượt 4 tỷ USD so với báo cáo ban đầu (4,6 tỷ USD). Vốn đầu tư đăng ký (cấp mới và tăng vốn) tiếp tục tập trung trong lĩnh vực công nghiệp, chiếm 54,9% tổng vốn đầu tư đăng ký. Tiếp theo là lĩnh vực dịch vụ, chiếm 44,5%. Số còn lại thuộc lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp. Trừ dầu khí, trong năm 2007, cả nước có 56 địa phương thu hút được dự án ĐTNN, trong đó 10 địa phương dẫn đầu, đó là: Hà Nội đứng đầu với số vốn đăng ký 2,5 tỷ USD, chiếm 11,8% tổng vốn đầu tư đăng ký. Tính từ năm 1988 đến hết năm 2007, cả nước có 8.684 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký 85,05 tỷ USD, vốn thực hiện (của các dự án còn hoạt động) đạt gần 30 tỷ USD. (Nếu tính cả các dự án đã hết hiệu lực thì tổng vốn thực hiện đạt hơn 43 tỷ USD).

Bảng 2.1 Các Địa phương thu hút FDI đứng đầu cả nước giai đoạn từ 1988 – 2007

STT	Địa phương	Số dự án	Tổng Vốn Đầu tư (USD)
1	TP Hồ Chí Minh	2.398	16.583.370.767
2	Hà Nội	987	12.423.918.902
3	Đồng Nai	918	11.666.711.568
4	Bình Dương	1.570	8.468.605.783
5	Bà Rịa-Vũng Tàu	159	6.111.349.896
6	Hải Phòng	268	2.600.681.471
7	Dầu khí	35	2.117.461.815
8	Phú Yên	39	1.975.576.438
9	Long An	113	1.872.820.789
10	Vĩnh Phúc	140	1.866.195.001

Nguồn: Tổng hợp thông tin từ nguồn Bộ Kế hoạch & Đầu tư

2.1 FDI phân theo hình thức đầu tư

2.1.1 Liên doanh

Trong tổng vốn FDI mà Hà Nội thu hút được từ 1988 – 2007 thì giá trị vốn đầu tư theo hình thức Liên doanh tính đến 31/12/2007 là 6,117 tỷ USD, chiếm tới gần một nửa (48,6%), trong khi đó hình thức đầu tư 100% vốn nước ngoài đạt 5,765 tỷ USD, chiếm 45,8%; hình thức Hợp đồng Hợp tác kinh doanh đạt 705 triệu USD, chiếm 5,6%. Con số này đã nói lên ưu thế về sự lựa chọn hình thức đầu tư này tại Hà Nội trong hai thập kỷ vừa qua.

Bảng 2.2 Tổng vốn FDI Đầu tư và Thực hiện theo hình thức Liên doanh tại Hà Nội (cộng dồn đến 31/12/2007)

Năm	Số dự án	Vốn đầu tư (Triệu USD)	Vốn thực hiện (Triệu USD)	Tỷ lệ Vốn thực hiện/ Vốn đầu tư
1988 - 1996	202	5.247	908	17%
1997	213	5.725	1.341	23%
1998	218	5.919	1.782	30%
1999	219	6.020	1.834	30%
2000	215	5.738	1.909	33%
2001 - 2003	220	5.680	2.206	39%
2004	227	5.716	2.431	43%
2005	221	5.454	2.477	45%
2006	257	5.682	2.518	44%
2007	327	6.117	3.291	54%
			Trung bình	35,8%

Nguồn: Cục Thống kê TP.Hà Nội (1991- 2007), *Niên Giám Thống Kê Hà Nội*, NXB Hà Nội

2.1.2 100% vốn nước ngoài

Tính đến hết tháng 12/2007, đầu tư 100% vốn nước ngoài đạt 5.765 tỷ USD, chiếm 45,8% tổng vốn FDI vào Hà Nội với tổng số dự án còn hiệu lực là 768, chiếm 68,7% tổng số dự án FDI.

Bảng 2.4 Tổng vốn FDI Đầu tư & Thực hiện theo hình thức 100% vốn nước ngoài tại Hà Nội (cộng dồn đến 31/12/2007)

Năm	Số dự án	Vốn đầu tư (Triệu USD)	Vốn thực hiện (Triệu USD)	Tỷ lệ Vốn thực hiện/ Vốn đầu tư
1988 - 1996	38	382	171	45%
1997	58	511	159	31%
1998	82	613	212	35%
1999	99	644	226	35%
2000	134	579	234	40%
2001 - 2003	237	950	474	50%
2004	292	1.160	522	45%
2005	360	2.170	823	38%
2006	490	3.053	1.299	43%
2007	768	5.765	1.094	19%
			Trung bình	38,1%

Nguồn: Cục Thống kê TP.Hà Nội (1991- 2007), *Niên Giám Thống Kê Hà Nội*, NXB Hà Nội

2.1.3 Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Tính đến hết năm 2007, Hà Nội có 23 dự án đăng ký đầu tư theo hình thức Hợp đồng hợp tác kinh doanh, với tổng vốn đăng ký là 705 triệu USD, chiếm 5,6% tổng vốn FDI của thành phố. Đây là một con số nhỏ, phản ánh tính ngắn hạn của các dự án theo hình thức này tại Hà Nội. Rõ ràng các dự án theo hình thức Hợp đồng hợp tác kinh doanh chủ yếu là ngắn và trung hạn, trong khi các dự án theo hình thức Liên doanh và 100% vốn nước ngoài là các dự án kinh doanh dài hạn và có quy mô lớn, nhất là khi các dự án đó được bổ sung thêm vốn đầu tư sau một thời gian kinh doanh nhất định.

Nhìn chung, hình thức đầu tư này chủ yếu tập chung ở lĩnh vực bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin hay sản xuất, nghiên cứu một số loại hoá chất chuyên dùng. Đây là những lĩnh vực ít phát triển cũng như ít nhà đầu tư tham gia. Bởi nhiều lý do, trong đó có vấn đề về độc quyền và giới hạn của pháp luật. Ví dụ, Hợp đồng hợp tác có quy mô được coi là lớn nhất cũng chỉ với quy mô vài trăm triệu USD như Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Tổng công ty Bưu chính viễn thông và CNTT Việt nam với 332 triệu USD.

Bảng 2.6 Tổng vốn FDI Đầu tư & Thực hiện theo hình thức Hợp đồng HTKD tại Hà Nội (cộng dồn đến 31/12/2007)

Năm	Tổng số dự án	Tổng vốn đầu tư (Triệu USD)	Tổng vốn thực hiện (Triệu USD)	Tỷ lệ Vốn thực hiện/ Vốn đầu tư
1988 – 1996	14	646	330	51%
1997	17	896	314	35%
1998	24	1.110	276	25%
1999	24	1.312	434	33%
2000	24	1.024	435	42%
2001 – 2003	26	801	515	64%
2004	26	802	567	71%
2005	20	927	567	61%
2006	18	922	571	62%
2007	23	705	753	107%
			Trung bình	55,1%

Nguồn: Cục Thống kê TP.Hà Nội (1991- 2007), *Niên Giám Thống Kê Hà Nội*, NXB Hà Nội

2.2 FDI phân theo lĩnh vực đầu tư

2.2.1 Bất động sản

Hiện nay trên địa bàn thành phố Hà Nội, chỉ tính những dự án lớn, có khoảng 75 dự án đầu tư bất động sản với số vốn lên tới 5 tỷ USD, trong đó có 25 dự án đầu tư Khu đô thị và căn hộ có khả năng bố trí được khoảng 500.000 người, 24 dự án trung tâm thương mại, văn phòng.

Trong thời gian qua, trên địa bàn thành phố hình thành các khu đô thị, khu dân cư như Làng Quốc tế Thăng Long, Khu đô thị Ciputra, Khu đô thị Trung hòa – Nhân chính, khu đô thị Mỹ Đình, Khu đô thị The Mannor ... và một số các khu đô thị đang hình thành khác.

Bảng 2.7 Tổng vốn FDI Đầu tư & Thực hiện trong lĩnh vực Bất động sản tại Hà Nội (cộng dồn đến 31/12/2007)

Năm	Tổng số dự án	Tổng vốn đầu tư (Triệu USD)	Tổng vốn thực hiện (Triệu USD)	Tỷ lệ Vốn thực hiện/ Vốn đầu tư
1988 – 1996	75	3.386	203	6%
1997	92	3.620	319	9%
1998	101	3.748	389	10%
1999	116	3.729	514	14%
2000	118	3.683	572	16%
2001 – 2003	153	3.696	664	18%
2004	179	3.721	732	20%
2005	207	3.922	761	19%
2006	251	4.203	817	19%
2007	489	4.152	890	21%
			Trung bình	15,2%

Nguồn: Cục Thống kê TP.Hà Nội (1991- 2007), *Niên Giám Thống Kê Hà Nội*, NXB Hà Nội

2.2.2 Dịch vụ (gồm cả dịch vụ Công nghiệp)

Tính đến hết tháng 12/2007, tổng vốn ĐTNN vào ngành dịch vụ, bao gồm cả dịch vụ Công nghiệp là 1,821 tỷ USD với 73 dự án. Quy mô trung bình của mỗi dự án khoảng 24 triệu USD. Đây là một mức quy mô thuộc loại khá cao nếu so sánh với các dự án đầu tư vào một số lĩnh vực hạ tầng cơ sở quan trọng, thậm chí vượt gấp ba lần so với quy mô trung bình của dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp. Trong lĩnh vực công nghiệp, tính đến hết tháng 12/2007, tổng vốn ĐTNN vào ngành này là 2,937 tỷ USD với 389 dự án. Quy mô trung bình cho mỗi dự án khoảng 8 triệu USD.

Bảng 2.9. Tổng vốn FDI Đầu tư & Thực hiện trong lĩnh vực Dịch vụ tại Hà Nội (cộng dồn đến 31/12/2007)

Năm	Tổng số dự án	Tổng vốn đầu tư (Triệu USD)	Tổng vốn thực hiện (Triệu USD)	Tỷ lệ Vốn thực hiện/ Vốn đầu tư
1988 – 1996	37	934	290	31.0%
1997	36	1.098	564	51.4%
1998	34	1.033	708	68.5%
1999	33	1.061	756	71.3%
2000	34	1.072	760	70.9%
2001 – 2003	30	984	866	88.0%
2004	31	992	954	96.2%
2005	36	975	974	99.9%
2006	44	1.068	1.156	108.2%
2007	73	1.821	1.294	71.1%
			Trung bình	75,6%

Nguồn: Cục Thống kê TP.Hà Nội (1991- 2007), *Niên Giám Thống Kê Hà Nội*, NXB Hà Nội

2.2.3 Công nghiệp

Xét về vốn đầu tư đăng ký, nếu như giai đoạn từ 2001 trở về trước, trung bình mỗi năm, ngành công nghiệp thu hút khoảng trên dưới 1 tỷ USD thì kể từ 2001 đến 2007, trung bình mỗi năm ngành thu hút trên 2 tỷ USD, gấp hơn hai lần so với mức trung bình giai đoạn trước. Đây là thành tựu lớn trong một thời gian tương đối ngắn, tuy nhiên đây cũng không phải là thành tựu thực sự tương xứng với tiềm năng của Hà Nội.

Bảng 2.11 Tổng vốn FDI Đầu tư & Thực hiện trong lĩnh vực Công nghiệp tại Hà Nội (cộng dồn đến 31/12/2007)

Năm	Tổng số dự án	Tổng vốn đầu tư (Triệu USD)	Tổng vốn thực hiện (Triệu USD)	Tỷ lệ vốn thực hiện/ Vốn đầu tư
1988 – 1996	92	939	480	51%
1997	115	1.046	555	53%
1998	129	1.209	733	61%
1999	130	1.192	828	69%
2000	158	1.139	845	74%
2001 – 2003	232	1.558	1.067	68%
2004	253	1.945	1.175	60%
2005	286	2.128	1.470	69%
2006	358	2.540	1.911	75%
2007	389	2.937	1.960	67%
			Trung bình	64,7%

Nguồn: Cục Thống kê TP.Hà Nội (1991- 2007), *Niên Giám Thống Kê Hà Nội*, NXB Hà Nội

2.2.4 Nông – Lâm nghiệp và Thủy sản

Trong tổng số 92.097 ha diện tích đất tự nhiên của thành phố, diện tích đất nông nghiệp chiếm 47,4% tương đương 43.654 ha, diện tích đất lâm nghiệp chiếm 8,6% tương đương 7.920 ha, diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản khoảng 18.000 ha. Về Nông nghiệp, chủ yếu diện tích đất dùng để trồng lúa nước, hoa màu và một số loại cây ăn quả nằm ở ngoại thành Hà Nội. Về Lâm nghiệp, diện tích phủ xanh của rừng là 6.740 ha, chiếm 85,1% tổng diện tích lâm nghiệp. Rừng chủ yếu là cây lấy gỗ, tập trung ở huyện Sóc Sơn và phân bố một phần nhỏ diện tích ở hai huyện Đông Anh và Gia Lâm. Về Thủy sản, Hà Nội có nhiều ao hồ lớn, các con sông lớn chảy bao quanh. Tuy nhiên, số diện tích ao hồ phân tán, không tập trung. Việc nuôi trồng thủy sản thực hiện với quy mô nhỏ.

**Bảng 2.13 Tổng vốn FDI Đầu tư & Thực hiện trong lĩnh vực Nông-lâm
và Thủy sản tại Hà Nội (cộng dồn đến 31/12/2007)**

Năm	Tổng số dự án	Tổng vốn đầu tư (Triệu USD)	Tổng vốn thực hiện (Triệu USD)	Tỷ lệ Vốn thực hiện/ Vốn đầu tư
1988 – 1996	1	1,75	2,05	117%
1997	1	1,75	2,05	117%
1998	1	1,75	2,05	117%
1999	2	2,25	2,05	91%
2000	2	2	2	100%
2001 – 2003	4	5	3	60%
2004	4	5	3	60%
2005	3	5	3	60%
2006	3	5	3	60%
2007	4	4	3	75%
			Trung bình	85,7%

Nguồn: Cục Thống kê TP.Hà Nội (1991- 2007), *Niên Giám Thống Kê Hà Nội*, NXB Hà Nội

2.2.5 Tài chính – Ngân hàng

Thời gian qua, Hà Nội đang dần hình thành một số tập đoàn tài chính với quy mô vốn tự có lên tới hàng tỷ USD. Nguồn vốn này hình thành, đồng thời tác động thúc đẩy quá trình cổ phần hoá, tăng vốn tự có của các ngân hàng thương mại trên địa bàn, tăng cường hợp tác, liên kết hoạt động ngân hàng, tín dụng trong nước và quốc tế.

**Bảng 2.14 Các dự án đầu tư tiêu biểu trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng
có quy mô lớn đang thực hiện tại Hà Nội từ 1988 – 2007**

TT	Tên dự án - Chủ đầu tư	Tổng vốn đầu tư (USD)
1	Công ty TNHH Volex Việt Nam	1.700.000
2	CTHHDN Cự Thăng	1.100.000
3	Công ty liên doanh bảo hiểm Việt - Úc	4.000.000
4	Công ty Bảo hiểm Liên hiệp	6.000.000
5	Tokyo Mitsubishi Bank	30.000.000
6	City Bank	20.000.000
7	Công ty Grant Thornton Vietnam Ltd	5.000.000
8	Ngân hàng ANZ	20.000.000
9	VID PUBLIC BANK	15.000.000
10	Khách sạn Thống nhất METROPOLE (đầu tư tài chính)	48.600.000

Nguồn: Tổng hợp thông tin từ nguồn Sở Kế hoạch & Đầu tư Hà Nội

2.2.6 Các ngành khác

Các ngành quan trọng khác cũng thu hút được rất nhiều dự án FDI như: công nghệ thông tin, bưu chính viễn thông, dầu khí, khai thác mỏ, hàng không, giao thông vận tải... Đây là những ngành được coi là các dự án trọng điểm của Nhà nước nói chung và Hà Nội nói riêng.

Vì tính quan trọng đặc biệt của nó cũng như khả năng sinh lời của trong những lĩnh vực này rất cao nên thường có những quy định hết sức chặt chẽ, nghiêm ngặt trọng việc thu hút vốn FDI. Thời gian vài năm trở lại đây, các lĩnh vực này đã được mở rộng hơn cho nhà ĐTNN. Chính vì vậy, thành công đáng kể trong thu hút các nhà ĐTNN trong vài năm gần đây vượt hẳn so với những năm trước đó là điều không quá ngạc nhiên. Qua bảng biểu dưới đây chúng ta có thể thấy rõ tình hình thu hút FDI trong các lĩnh vực này.

Bảng 2.15 Tổng vốn Đầu tư & Thực hiện trong các lĩnh vực khác tại Hà Nội (cộng dồn đến 31/12/2007)

Năm	Tổng số dự án	Tổng vốn đầu tư (Triệu USD)	Tổng vốn thực hiện (Triệu USD)	Tỷ lệ Vốn thực hiện/ Vốn đầu tư
1988 – 1996	49	1.015	415	41%
1997	44	1.366	373	27%
1998	59	1.649	437	27%
1999	61	1.991	395	20%
2000	61	1.445	399	28%
2001 – 2003	64	1.118	595	53%
2004	78	1.015	656	65%
2005	89	1.521	659	43%
2006	131	2.455	867	35%
2007	163	3.673	991	27%
			Trung bình	36,6%

Nguồn: Cục Thống kê TP.Hà Nội (1991- 2007), *Niên Giám Thống Kê Hà Nội*, NXB Hà Nội

2.3 FDI theo đối tác đầu tư

Tính đến năm 2007, có hơn 41 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư tại Hà Nội, trong đó Singapore giữ vị trí đứng đầu với số vốn đăng ký 3,17 tỷ USD, chiếm 26,7% về tổng vốn đăng ký. Nhật Bản đứng thứ 2 với 2,1 tỷ USD, chiếm 17,7%; Hàn Quốc đứng thứ 3 với 1,7 tỷ USD, chiếm 14,4%; Luxembourg đứng thứ 4 với 792 triệu USD, chiếm 6,7%; Hồng Kông đứng thứ 5 với 498 triệu USD, chiếm 4,2%; Thái Lan đứng thứ 6 với 390 triệu USD, chiếm 3,3%; Mỹ đứng thứ 7 với 343 triệu USD, chiếm 2,9%, Pháp đứng thứ 8 với 247 triệu USD, chiếm 2,08%, Malaysia đứng thứ 9 với 244 triệu USD, chiếm 2,05%; Đài Loan đứng thứ 10, với 214 triệu USD, chiếm 1,8% tổng vốn đăng ký.

2.3.1 Nhà đầu tư là các công ty, tổ chức từ các nước Đông Nam Á

Trong danh sách 10 quốc gia và vùng lãnh thổ đứng đầu về đầu tư vào Hà Nội, các công ty, tổ chức đến từ khu vực Đông Nam Á (ASEAN) chiếm tới 3 vị trí, trong đó nổi bật là vị trí số 1 của quốc đảo phát triển bậc nhất khu vực – Singapore, với tổng vốn đầu tư FDI trên 3 tỷ USD, vượt xa quốc gia đầu tư thứ 2 đến từ khu vực Đông Bắc Á là Nhật Bản hơn 1 tỷ USD.

**Bảng 2.16 Tổng số vốn FDI của các nước ASEAN đầu tư vào Hà Nội
(tính đến hết 31/12/2007)**

STT	Quốc gia và Vùng lãnh thổ	Số dự án	Vốn đầu tư (USD)
1	Singapore	53	3.170956.208
2	Thái lan	15	390.297.520
3	Malaysia	23	244.022.000
4	Indonesia	2	80.994.875
5	Philippines	4	49.152.000
6	Campuchia	1	400.000
Tổng		98	3.935.822.603

2.3.2 Nhà đầu tư là các công ty, tổ chức từ các nước Đông Bắc Á

Khu vực Đông Bắc Á gồm các nước và vùng lãnh thổ: Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên, Hồng Kông, Đài Loan. Đây là khu vực phát triển vào loại bậc nhất của Châu Á nói riêng và thế giới nói chung.

Hiện nay, các nước của khu vực Đông Bắc Á có nhiều dự án đang triển khai tại Việt Nam với quy mô rất lớn hàng vài trăm triệu USD cho mỗi dự án. Tính khả thi và tỷ lệ vốn thực hiện so với vốn đăng ký là khá cao, thậm chí được đánh giá là cao nhất trong số các nước đầu tư vào Việt Nam. Tại Hà Nội, trong 10 nước đứng đầu về FDI, các nước Đông Bắc Á cũng đóng góp tới 4 vị trí lần lượt là Nhật Bản đứng thứ 2, Hàn Quốc đứng thứ 3, Hồng Kông đứng thứ 5 và Đài Loan đứng thứ 10.

**Bảng 2.17 Tổng số vốn FDI của các nước Đông Bắc Á đầu tư vào Hà Nội
(tính đến hết 31/12/2007)**

STT	Quốc gia và Vùng lãnh thổ	Số dự án	Vốn đầu tư (USD)
1	Nhật Bản	131	2.102805.141
2	Hàn Quốc	90	1.712735.252
3	Hồng Kông	48	498.704.668
4	Đài Loan	44	214.570.000
5	Trung Quốc	59	85.851.149
6	CHDCND Triều Tiên	-	-
Tổng		372	4.614.666.210

Nguồn: Báo Hà Nội mới (ngày 3/12/2008), *Tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài & viện trợ phát triển chính thức vào Hà Nội*

2.3.3 Nhà đầu tư là các công ty, tổ chức từ các nước Châu Âu

Sau 20 năm thiết lập mối quan hệ chặt chẽ toàn diện giữa Việt Nam và các nước Châu Âu cũng như những nỗ lực của Hà Nội trong việc xúc tiến quan hệ hợp tác kinh tế, văn hóa, xã hội... với các thành phố thủ đô Châu Âu, FDI vào Việt Nam nói chung và vào Hà Nội nói riêng đã đạt được những thành tựu đáng kể. Tuy nhiên, xét một cách khách quan thì những gì đạt được là quá nhỏ bé so với thực trạng và tiềm năng quan hệ giữa các bên. Bảng biểu dưới đây minh chứng rõ nét cho nhận định nêu trên.

Bảng 2.18 Tổng số vốn FDI của các nước Châu Âu đầu tư vào Hà Nội
(tính đến hết 31/12/2007)

STT	Quốc gia và vùng lãnh thổ	Số dự án	Vốn đầu tư (USD)
1	Luxembourg	6	792.351.016
2	Pháp	28	247.359.262
3	Ba Lan	4	163.900.000
4	Đan Mạch	11	83.454.687
5	BVI	16	77.542.000
6	Đức	17	70.876.052
7	Austria	3	55.490.000
8	Vương quốc Anh	11	34.476.551
9	Hà Lan	8	23.743.500
10	Phần Lan	1	23.743.500
11	Belarus	5	12.000.000
12	Liên Bang Nga	5	11.342.393
13	Thụy Sĩ	9	6.465.000
14	Thụy Điển	7	6.450.840
15	Italia	5	3.528.000
16	Israel	2	3.181.136
17	Cộng hòa Séc	1	1.728.673
18	Ukraine	2	1.354.667
19	Bỉ	1	1.200.000
20	Hungaria	1	200.000
21	Na uy	1	90.000
Tổng		144	1.620.477.277

Nguồn: Báo Hà Nội mới (ngày 3/12/2008), *Tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài & viện trợ phát triển chính thức vào Hà Nội*

2.3.4 Các nước khác (Mỹ, Canada...)

Trong số các quốc gia được xếp vào nhóm những nước khác đầu tư vào Hà Nội, nổi bật nhất là Mỹ, Canada và Australia. Bên cạnh đó, trong nhóm có các quốc gia đến từ Bắc Mỹ như Canada, Panama; Nam Mỹ là Argentina; Châu Á là Ấn Độ và Syria. Trong tổng số vốn FDI của các nước khác đầu tư vào Hà Nội tính đến hết năm 2007, Mỹ chiếm khoảng 20% với 343,4 triệu USD, Canada chiếm 6,5% với 109,5 triệu USD, Australia chiếm 2,4% với 41,4 triệu USD. Theo đánh giá của giới chuyên môn thì đây là một kết quả khả quan và kết quả này có thể tiếp tục được nâng lên khi các thỏa thuận đàm phán song phương để Việt Nam gia nhập WTO được thống nhất với các quốc gia lớn này trong thời gian tới.

Bảng 2.19 Tổng số vốn FDI của các nước khác đầu tư vào Hà Nội
(tính đến hết 31/12/2007)

STT	Quốc gia và Vùng lãnh thổ	Số dự án	Vốn đầu tư (USD)
1	Mỹ	26	343.430.804
2	Australia	16	109.569.900
3	Canada	4	41.400.000
4	Cuba	1	6.600.000
5	Ấn Độ	1	5.000.000
6	Panama	1	1.750.000
7	Argentina	1	650.000
8	Syria	2	500.000
9	Các quốc gia khác	209	1.213.995.641
Tổng		261	1.722.896.345

Nguồn: Báo Hà Nội mới (ngày 3/12/2008), *Tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài & viện trợ phát triển chính thức vào Hà Nội*

2.4 Đánh giá về vấn đề thu hút và sử dụng FDI tại Hà Nội và những vấn đề đặt ra

2.4.1 Những thành công

Từ năm 1989 – 1996, thu hút FDI của Hà Nội có xu hướng tăng mạnh. Từ năm 1997 đến năm 2003, vốn FDI vào Hà Nội lại có xu hướng giảm dần từ 913 triệu USD (1997) xuống 100 triệu USD (2000), sau đó tăng nhưng vẫn còn thấp hơn năm 1997. Từ năm 2004 đến nay dòng FDI vào Hà Nội tăng nhanh... Tổng cộng từ năm 1988 đến hết 31/12/2007, Hà Nội có 987 dự án FDI còn hiệu lực, tổng vốn đăng ký khoảng 12,424 tỷ USD, trong đó hình thức Liên doanh chiếm 56,1%, hình thức 100% vốn nước ngoài chiếm 39,3% và hình thức Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh chiếm 4,6%. Đỉnh cao nhất trong thu hút FDI là năm 1996 với vốn đăng ký đạt 2,641 tỷ USD và năm 1997 đạt cao nhất về vốn thực hiện với 913 triệu USD.

Hiện nay có tới hơn 40 nước và vùng lãnh thổ đã đầu tư vào Hà Nội, trong đó Singapore, Nhật Bản và Hàn Quốc chiếm tổng cộng 60% tổng FDI đăng ký ở Hà Nội. Năm 2004, các dự án FDI chiếm 21% tổng xuất khẩu Hà Nội, 35% giá trị sản xuất công nghiệp, 12% GDP, 17% tổng đầu tư xã hội và tạo ra khoảng 45.000 việc làm, số doanh nghiệp có vốn ĐTNN có lãi là 29%, bị lỗ là 11%, còn lại hoạt động cầm chừng, hòa hoặc chưa rõ kết quả. Đặc biệt, các doanh nghiệp có vốn ĐTNN trong các KCN và KCX trên địa bàn Hà Nội chiếm 16% tổng số dự án, 18% tổng vốn đăng ký, song đã chiếm tới 43% tổng doanh thu, 88% tổng kim ngạch xuất khẩu, 18% tổng nộp ngân sách nhà nước và 15% số việc làm mà các dự án FDI tạo ra tính đến hết quý I năm 2005.

2.4.2 Những hạn chế, tồn tại và những vấn đề đặt ra

- Tư duy kinh tế chậm đổi mới. Chưa tạo lập đồng bộ các loại thị trường theo nguyên tắc thị trường.
- Hệ thống luật pháp, chính sách về đầu tư tuy đã được sửa đổi, bổ sung nhưng vẫn chưa đồng bộ, thiếu nhất quán.
- Môi trường đầu tư - kinh doanh tuy được cải thiện nhưng tiến bộ đạt được còn chậm hơn so với các tỉnh thành khác trong nước, trong khi cạnh tranh thu hút vốn ĐTNN tiếp tục diễn ra ngày càng gay gắt.
- Định hướng chiến lược thu hút vốn ĐTNN hướng chủ yếu vào lĩnh vực công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu nhưng sự liên kết, phối hợp giữa các doanh nghiệp ĐTNN với doanh nghiệp của thành phố còn yếu nên giá trị gia tăng trong một số sản phẩm xuất khẩu (hàng điện tử dân dụng, dệt may) còn thấp.

- Công tác quy hoạch còn có những bất hợp lý, nhất là quy hoạch ngành còn nặng về xu hướng bảo hộ sản xuất trong nước, chưa kịp thời điều chỉnh để phù hợp với các cam kết quốc tế.
- Quy mô nền kinh tế nhỏ bé; kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội còn yếu, các ngành công nghiệp hỗ trợ chưa phát triển; trình độ công nghệ và năng suất lao động thấp, chi phí sản xuất cao. Chính sách, biện pháp để khuyến khích huy động tốt nguồn lực trong nước và ngoài nước vào phát triển kinh tế, xã hội còn nhiều hạn chế.
- Sự phối hợp trong quản lý hoạt động ĐTNN giữa các Bộ, ngành, địa phương chưa chặt chẽ.
- Tổ chức bộ máy, công tác cán bộ và cải cách hành chính chưa đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới.
- *Vấn đề đáng lo ngại nhất trong hoạt động xúc tiến ĐTNN vào Hà Nội* đó là: Các nhà đầu tư rất thiếu thông tin về môi trường đầu tư tại Việt Nam nói chung và Hà Nội nói riêng.
- *Vấn đề thứ hai là cách đón tiếp, giải quyết và trả lời những câu hỏi của các nhà đầu tư.*

Tóm lại, trong các hình thức FDI cơ bản vào Hà Nội gồm: Liên doanh, 10% vốn đầu tư nước ngoài, Hợp đồng hợp tác kinh doanh, hình thức nổi bật chiếm tỷ lệ lớn nhất cả về lượng vốn đầu tư và số dự án được thực hiện là Liên doanh với 6,117 tỷ USD, tương ứng 48,6% tổng lượng vốn FDI, tiếp theo là hình thức 100% vốn đầu tư nước ngoài với 5,765 tỷ USD, chiếm 45,8%; hình thức Hợp đồng hợp tác kinh doanh đạt 705 triệu USD, chiếm 5,6%. Xét về hiệu quả sử dụng vốn, hình thức liên doanh vẫn thể hiện được ưu thế đối với các dự án trung và dài hạn tính cho tới năm 2007. Về hình thức FDI theo lĩnh vực đầu tư, ngoài lĩnh vực truyền thống là công nghiệp, lĩnh vực bất động sản rất được quan tâm và thể hiện xu hướng thu hút mạnh mẽ FDI trong vài năm trở lại đây với sự tăng lên liên tục về giá trị vốn đầu tư và quy mô dự án. Xét về quốc tịch của FDI, lượng vốn đầu tư đến từ khu vực Đông Bắc Á chiếm vị trí thứ nhất với hơn 4,6 tỷ USD, đại diện tiêu biểu là Nhật Bản; đứng ngay sau là khu vực ASEAN với hơn 3,9 tỷ USD, trong đó nổi bật là Singapore, quốc gia đứng đầu trong khu vực này nói riêng và các nước đầu tư vào Hà Nội nói chung về lượng FDI với 3,17 tỷ USD. Các nước đến từ Châu Âu chỉ chiếm vị trí thứ ba với 1,6 tỷ USD. Có thể nói, lượng FDI chủ yếu đến từ các quốc gia và vùng lãnh thổ thuộc Châu Á. Khu vực Châu Âu được kỳ vọng nhưng cũng chưa thật sự đầu tư mạnh vào Hà Nội, trong khi Mỹ, Canada và một số nước lớn khác đầu tư vào Hà Nội nói riêng và Việt Nam nói chung như là một công cụ thăm dò. Hy vọng thời gian tới, lượng FDI từ các nước lớn tiềm năng sẽ tăng mạnh và đem lại sức cạnh tranh mới trong lĩnh vực FDI của Hà Nội để hiệu quả đầu tư ngày một nâng lên, giúp cho thủ đô hoàn thành tốt mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của mình.

CHƯƠNG 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM TĂNG CƯỜNG THU HÚT FDI VÀO HÀ NỘI

3.1 Mục tiêu, phương hướng thu hút FDI vào Hà Nội

3.1.1 Cơ sở định hướng

Để tăng cường và giữ vững vị trí hàng đầu cả nước về thu hút FDI trong thời gian tới, Hà Nội cần tập trung vào vấn đề then chốt mang tính định hướng, đó là *hoàn chỉnh và nâng cao hiệu lực thực tế các quy định quản lý doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội, gồm cả các dự án ĐTNN (theo Luật Đầu tư) để thay thế Quyết định 176 của UBND thành phố Hà Nội ban hành từ năm 2002 về quản lý các dự án có vốn ĐTNN.*

3.1.2 Mục tiêu và phương hướng thu hút FDI vào Hà Nội

Hướng tới kỷ niệm 1000 năm Thăng Long – Hà Nội, kế thừa thành tựu phát triển đã đạt được, thành phố Hà Nội đang hướng tới mục tiêu đẩy nhanh quá trình CNH – HĐH và hội nhập kinh tế quốc tế. Hà Nội đang xây dựng phương án phấn đấu tăng trưởng GDP giai đoạn 2008 – 2010 phải đạt 12 – 13%. Theo đó, tổng đầu tư xã hội phải tăng bình quân 25 – 30%/năm, trong đó, vốn FDI cần huy động từ 2 đến 2,5 tỷ USD vốn đầu tư thực hiện trên tổng số vốn đăng ký đầu tư từ 4 đến 5 tỷ USD.

Chủ trương của Thành phố trong những năm tới là đặc biệt khuyến khích các dự án sản xuất những sản phẩm, dịch vụ có chất lượng cao mà qua đó có thể tiếp cận với công nghệ mới; các dự án có tỷ lệ xuất khẩu 80% trở lên. Đối với những dự án này có thể giảm giá thuê đất 6 - 10 năm. Ngoài ra, các nhà đầu tư bỏ vốn vào các ngành được ưu tiên khác sẽ được miễn tiền thuê đất trong 2 năm đầu, không tính thời gian xây dựng cơ bản, và giảm 50% trong 2 năm tiếp theo.

3.2 Các giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường thu hút FDI vào Hà Nội đến năm 2020

3.2.1 *Thực hiện chặt chẽ các quy định luật pháp, chính sách và công tác quy hoạch đầu tư toàn diện cho thành phố*

Tiếp tục rà soát pháp luật, chính sách về đầu tư, kinh doanh để sửa đổi các nội dung không đồng bộ, thiếu nhất quán, bổ sung các nội dung còn thiếu và loại bỏ các điều kiện áp dụng ưu đãi đầu tư không phù hợp với cam kết của Việt Nam với WTO.

Tiếp tục nâng cao hiệu quả việc chống tham nhũng, tiêu cực và tình trạng nhũng nhiễu đối với nhà đầu tư. Đề cao tinh thần trách nhiệm cá nhân trong xử lý công việc, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ở các cơ quan quản lý nhà nước.

3.2.2 *Đa dạng hoá các hình thức thu hút đầu tư phù hợp và tăng cường quản lý các dự án FDI*

Đẩy mạnh việc nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi đặc thù, tăng cường áp dụng hình thức đầu tư mới có sử dụng vốn ĐTNN như BOT/BTO/BT, PPP... trong đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật và cung cấp dịch vụ, nhằm xúc tiến một số dự án lớn, trọng điểm (Khu công viên công nghệ sinh học, Trung tâm công nghệ thông tin - xử lý dữ liệu...). Cần thực hiện các công tác nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với các dự án FDI.

3.2.3 *Thiết lập các hệ thống cơ quan xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước về FDI đại diện cho thành phố*

Lập kế hoạch chương trình xúc tiến đầu tư hàng năm cho từng lĩnh vực, địa bàn, đối tác cụ thể; tổ chức các cuộc hội thảo, đối thoại với nhà đầu tư và trao đổi kinh nghiệm xúc tiến vận động đầu tư. Thúc đẩy mạnh việc vận động xúc tiến đầu tư hướng vào các thị trường trọng điểm, các đối tác có tiềm lực về công nghệ, tài chính như Nhật Bản, EU, Hoa Kỳ, Đài Loan, Hàn Quốc...

Tổ chức tốt hệ thống Marketing về ĐTNN tại Việt Nam để giúp các nhà đầu tư, các doanh nghiệp, các nhà quản lý và lao động nắm bắt kịp thời, đầy đủ thông tin cần thiết liên quan đến FDI, kể cả tuyên truyền luật pháp chính sách, tình hình ĐTNN tại Việt Nam.

3.2.4 *Phối kết hợp với các tỉnh, thành phố lân cận nhằm hợp tác xây dựng các khu liên hợp, công nghiệp, chế xuất và dịch vụ*

Tại những khu vực quy hoạch xây dựng các khu liên hợp, KCN, KCX của Hà Nội tiếp giáp với các khu kinh tế của các tỉnh thành phố khác, có thể cùng nhau phối hợp liên kết liên ngành để tận dụng những lợi thế khác nhau của từng địa phương nhằm hỗ trợ lẫn nhau và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Qua đó, tăng cường sức mạnh liên kết giữa các doanh nghiệp trong nước với trong nước, trong nước với nước ngoài và nước ngoài với nước ngoài, tạo ra một môi trường kinh doanh thật sự gắn kết vì lợi ích của tất cả các bên.

3.2.5 *Khuyến khích thu hút vốn FDI vào ngành công nghiệp*

Nhằm thu hút mạnh hơn nữa FDI vào ngành công nghiệp, các cơ quan của ngành đã phối hợp và đề ra các giải pháp cấp bách cần thực hiện trong thời gian tới cho các địa phương

nói chung và Hà Nội nói riêng, trong đó có việc tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xúc tiến đầu tư và khuyến khích các doanh nghiệp đẩy mạnh nghiên cứu thị trường và đối tác đầu tư, bao gồm:

Một là, khuyến khích các doanh nghiệp đa dạng hoá các hình thức thu hút vốn và khuyến khích mở rộng quy mô đầu tư, đổi mới công nghệ, đa dạng hoá mục tiêu đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật về đầu tư nước ngoài và quy hoạch phát triển ngành, sản phẩm;

Hai là, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào những lĩnh vực công nghiệp quan trọng của nền kinh tế như công nghệ cao, công nghệ nguồn;

Ba là, các dự án đầu tư tập trung chủ yếu vào các ngành như dầu khí, điện, cơ khí, thép, ô tô, thiết bị điện-điện tử, dệt may, da giày, rượu-bia-nước giải khát, nhựa, giấy.

3.2.6 Khuyến khích thu hút vốn FDI vào ngành Nông-lâm nghiệp

Qua nghiên cứu, một số nhóm giải pháp sau được đưa ra nhằm nâng cao hiệu quả thu hút ĐTNN trong ngành:

Nhóm giải pháp thứ nhất: Nâng cao hiệu quả và chất lượng công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển của từng ngành/sản phẩm theo hướng gắn kết với mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển đặt ra trong Kế hoạch phát triển nông nghiệp và nông thôn thời kỳ 2010 -2020 cũng như Chiến lược thu hút, sử dụng ĐTNN những năm tiếp theo.

Nhóm giải pháp thứ hai: Hoàn thiện cơ chế, chính sách về khuyến khích ĐTNN, gồm: chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư; chính sách phát triển thị trường vốn và tín dụng đầu tư; chính sách thương mại và thị trường; chính sách đất đai; chính sách phát triển nguồn nguyên liệu; chính sách phát triển hạ tầng nông nghiệp và nông thôn; chính sách phát triển nguồn nhân lực.

Nhóm giải pháp thứ ba: Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác vận động, xúc tiến ĐTNN

3.2.7 Các giải pháp khác

Cải thiện cơ sở hạ tầng

Tiến hành tổng rà soát, điều chỉnh, phê duyệt và công bố các quy hoạch về kết cấu hạ tầng đến năm 2020 làm cơ sở thu hút đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng. Tranh thủ tối đa các nguồn lực để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, đặc biệt là nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; ưu tiên các lĩnh vực cấp, thoát nước, vệ sinh môi trường (xử lý chất thải rắn, nước thải.v.v.); hệ thống đường bộ cao tốc; nâng cao chất lượng dịch vụ đường sắt; sản xuất và sử dụng điện từ các loại năng lượng mới như sức gió, thủy triều, nhiệt năng từ mặt trời; các dự án lĩnh vực bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin.

Cải thiện nguồn nhân lực

Đẩy nhanh việc triển khai kế hoạch tổng thể về đào tạo nhằm nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 40% vào năm 2010. Theo đó, ngoài việc nâng cấp đầu tư hệ thống các trường đào tạo nghề hiện có lên ngang tầm khu vực và thế giới, sẽ phát triển thêm các trường đào tạo nghề và trung tâm đào tạo từ các nguồn vốn khác nhau.

Giải pháp về giải phóng mặt bằng

Ủy ban nhân dân thành phố cần chỉ đạo các cơ quan chức năng tiến hành ngay các thủ tục thu hồi đất và thu hồi giấy chứng nhận đầu tư đối với các dự án FDI không có khả năng triển khai hoặc chưa có kế hoạch sử dụng hết diện tích đất đã được giao để chuyển cho các dự án đầu tư mới có hiệu quả hơn. Đồng thời, trong phạm vi thẩm quyền của mình, chủ động tổ chức việc đền bù giải tỏa và giao đất cho chủ đầu tư theo đúng cam kết, đặc biệt là các dự án quy mô lớn mà chủ đầu tư sẵn sàng giải ngân thực hiện dự án.

Giải pháp về phân cấp

Qua thực tế thực hiện việc phân cấp trong hơn 2 năm vừa qua đã bộc lộ một số vấn đề bất cập, không phù hợp, ảnh hưởng đến quy hoạch phát triển kinh tế xã hội. Cần nghiên cứu để xem xét lại chủ trương phân cấp toàn diện như quy định hiện nay, có các biện pháp để tăng

cường sự phối hợp giữa Trung ương và địa phương trong việc cấp phép và quản lý các dự án đầu tư nước ngoài.

Tóm lại, với những đường lối, chủ trương rất rõ ràng và định hướng phù hợp, lãnh đạo thành phố Hà Nội cùng các sở ngành liên quan đang cùng nhau nỗ lực đưa ra những giải pháp tốt nhất để thực hiện công cuộc phát triển thủ đô ngày càng giàu mạnh, vững bước đi lên cùng đất nước trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Những thành tựu mà chính quyền thành phố và nhân dân Hà Nội đạt được là rất đáng khen ngợi, tuy nhiên để phát huy tối đa tiềm lực với vị thế của một thủ đô giàu tính lịch sử truyền thống thì lãnh đạo và nhân dân Hà Nội còn rất nhiều việc cần phải làm trong thời gian tới, trước mắt là nhiệm vụ đẩy mạnh thu hút FDI tạo nguồn vốn sẵn sàng cho sự đột phá phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và đem lại nhiều việc làm, phúc lợi xã hội cho nhân dân thành phố nhằm nâng cao hình ảnh của thủ đô ngàn năm văn hiến của chúng ta.

KẾT LUẬN

Thủ đô Hà Nội là một thành phố được hình thành và phát triển gần 1.000 năm, nằm ở trung tâm Đồng bằng Bắc bộ. Hà Nội là trung tâm đầu não chính trị, hành chính quốc gia và là trung tâm lớn về kinh tế, tài chính và giáo dục - đào tạo nghiên cứu khoa học của Việt Nam. Kinh tế Hà Nội đã đạt được những thành tựu đáng kể sau hơn hai mươi năm thực hiện công cuộc đổi mới hướng tới một nền kinh tế thị trường. Người lao động tại Hà Nội có truyền thống cần cù, sáng tạo, thích ứng nhanh. Những tính cách này đã đóng góp rất lớn vào sự phát triển chung của thành phố và Hà Nội cũng đang trở thành một địa điểm hấp dẫn du khách quốc tế và nhà ĐTNN.

Hà Nội có hệ thống cơ sở hạ tầng đồng bộ và phát triển. Các KCN, KCX và sân bay quốc tế Nội Bài chỉ cách trung tâm thành phố 40km. Cảng Hải Phòng và cảng Cái Lân (gần Vịnh Hạ Long – khu di sản văn hóa thế giới) là hai cảng container được đầu tư hoàn chỉnh phục vụ xuất khẩu/ nhập khẩu hàng hóa chỉ cách Hà Nội 120km. Hà Nội còn là đầu mối giao thông miền Bắc Việt Nam với hệ thống đường sắt, đường bộ khá phát triển, là đầu mối trung chuyển hàng hóa của các tỉnh miền Bắc Việt Nam, nằm trong hành lang kinh tế các thành phố tiểu vùng sông Mê Kông (gần các thành phố phía Nam Trung Quốc và Lào). Hà Nội là địa điểm rất thuận lợi để kinh doanh phân phối.

Lực lượng lao động trẻ, được đào tạo, dễ dàng tuyển dụng ở Hà Nội và các tỉnh lân cận. Hà Nội có hàng trăm viện nghiên cứu khoa học đầu ngành, hơn 50 trường đại học và cao đẳng, có khả năng bổ sung cho thị trường lao động gần 80.000 sinh viên tốt nghiệp mỗi năm; ngoài ra sẵn sàng đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao, có tay nghề, làm việc chăm chỉ sẽ là cơ hội giúp các doanh nghiệp sản xuất nâng cao hiệu quả.

Các cơ quan chính phủ Việt Nam, phái đoàn ngoại giao và các tổ chức quốc tế như Tổ chức liên hợp quốc và Phái đoàn Cộng đồng châu Âu, đều đặt trụ sở tại Hà Nội đã tạo ra cho các nhà đầu tư một mạng lưới liên lạc tốt nhất để chia sẻ thông tin và trao đổi kinh nghiệm.

Chính quyền thành phố thực hiện cải cách thủ tục hành chính ở tất cả các cấp trong việc xúc tiến, quản lý và triển khai các dự án FDI và các chương trình hỗ trợ phát triển chính thức. Cơ chế “một cửa” trong giải quyết thủ tục hành chính là một ví dụ thể hiện cam kết của Chính quyền thành phố tạo lập môi trường đầu tư theo hướng thông thoáng, minh bạch, phù hợp tiến trình hội nhập quốc tế.

Trong thời gian tới, dự báo vốn ĐTNN vẫn sẽ tập trung chủ yếu vào những địa phương có điều kiện thuận lợi về địa lý-tự nhiên, nhất là các vùng kinh tế trọng điểm. Để tăng cường thu hút ĐTNN tại những vùng có điều kiện kinh tế xã hội còn khó khăn, thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển giữa các vùng, bên cạnh những ưu đãi của đối với ĐTNN tại

các vùng đó đòi hỏi phải tăng cường đầu tư xây dựng nhanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật, đường giao thông, điện, nước ở các vùng kinh tế khó khăn bằng nguồn vốn nhà nước, vốn ODA và nguồn vốn tư nhân.

Tập trung thu hút đầu tư, lấp đầy các KCN-KCX và Khu Công nghệ cao (KCNC), khu kinh tế đã được Chính phủ phê duyệt góp phần đẩy nhanh việc thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng. Tận dụng những khu vực đất trống, đồi trọc, ít giá trị nông nghiệp để phát triển KCN, xây dựng nhà máy, hạn chế xây dựng KCN-KCX-KCNC trên đất canh tác nông nghiệp truyền thống.

Với những nỗ lực của chính quyền và nhân dân Thành phố không ngừng cải thiện môi trường kinh doanh và với những thành tựu đã đạt được, Hà Nội đang là địa điểm đầu tư an toàn và thành đạt của các nhà kinh doanh, nơi giao lưu văn hóa, gặp gỡ thân tình của tất cả các bạn bè hữu nghị.